

Số: 22 /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 370/TTr-SNNMT ngày 10/3/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quy định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thực hiện theo định mức quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

b) Đối với các hạng mục công việc chưa được quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) nhưng được quy định tại Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị thì thực hiện theo định mức quy định tại Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vệ sinh công cộng: Thực hiện theo định mức quy định tại Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ căn cứ định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này để thực hiện các công việc liên quan đến dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá việc triển khai, thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung không còn phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, nghiên

cứu, đề xuất nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh hoặc bổ sung để phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng đến hết kỳ dự toán được phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành PL;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

(để b/c);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường